ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH AN **Mẫu biểu số 56.1**

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 3309/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2026 của UBND xã Vĩnh An)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý so (%)	
			Quý 3	Lũy kế 9 tháng	Dự toán	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	TỔNG CHI NSĐP	**174.184.680.600**	**48.960.118.556**	**113.154.800.211**	**64,96**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**166.832.680.600**	**48.960.118.556**	**113.154.800.211**	**67,83**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**17.475.000.000**	**10.276.078.182**	**12.449.083.182**	**71,24**	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	17.475.000.000	10.276.078.182	12.449.083.182	71,24	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	**Chi trả nợ lãi**					
III	**Chi thường xuyên**	**146.536.680.600**	**38.684.040.374**	**100.705.717.029**	**68,72**	
	Trong đó:					
	- Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	75.126.000.000	21.168.130.398	53.371.381.135	71,04	
	- Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	-				
IV	**Chi cho vay**					
V	**Chi viện trợ**					
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**					
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**2.821.000.000**		**-**		
VIII	**Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế**					
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**					
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**	**7.352.000.000**	**-**	**-**		
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án					
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách	3.702.000.000		-		
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia	3.650.000.000				